

TỔNG CÔNG TY  
CÔ PHẦN XÂY LẮP DẦU KHÍ VIỆT NAM  
CÔNG TY CỔ PHẦN  
XÂY LẮP ĐƯỜNG ỐNG BÊ CHỨA DẦU KHÍ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 192 /ĐOBC-TCKT

V/v: Giải trình một số nội dung tại Báo cáo kiểm  
toán độc lập về BCTC năm 2017

TP. Vũng Tàu, ngày 19 tháng 03 năm 2018

Kính gửi:

- Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
- Sở giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh
- Công ty TNHH Deloitte Việt Nam

Trước hết, Công ty Cổ phần Xây lắp Đường ống Bê chứa Dầu khí (“Công ty”) xin gửi tới Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh và Công ty TNHH Deloitte Việt Nam lời chào trân trọng.

Công ty xin giải trình ý kiến kiểm toán ngoại trừ và vấn đề cần nhấn mạnh trên báo cáo kiểm toán độc lập về báo cáo tài chính năm 2017 đã được kiểm toán như sau:

1. Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ:

“Nhu trình bày tại Thuyết minh số 13 phần Thuyết minh báo cáo tài chính, Công ty đang trong quá trình làm thủ tục xin gia hạn và sang tên cho Công ty quyền sử dụng đất của các lô đất tại địa chỉ 35G và 35D, đường 30/4, phường 9, thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu. Tại thời điểm lập báo cáo tài chính này, Công ty chưa nhận được quyết định chính thức của Ủy ban Nhân dân Thành phố Vũng Tàu về vấn đề trên. Theo đó, chúng tôi không thể xác định liệu có cần thiết phải điều chỉnh đối với khoản mục tài sản cố định vô hình và các tài khoản có liên quan khác trên báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 hay không.”

Tại thời điểm lập báo cáo, Công ty đã làm việc với Sở Tài nguyên môi trường tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu để làm thủ tục xin gia hạn và chuyển quyền sử dụng đất tại 35G và 35D, đường 30/4, Phường 9, TP. Vũng Tàu. Công ty đang trong quá trình hoàn tất các thủ tục theo yêu cầu của các Sở ban ngành Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu. Ban Giám đốc Công ty đánh giá và tin tưởng rằng Công ty sẽ hoàn tất các thủ tục pháp lý liên quan đến việc gia hạn và chuyển quyền sử dụng đất tại địa điểm nêu trên trong thời gian sắp tới.

2. Vấn đề cần nhấn mạnh:

“Nhu trình bày tại Thuyết minh số 29 phần Thuyết minh báo cáo tài chính, Công ty có các khoản công nợ đang tranh chấp với nhà cung cấp và công nợ tiềm tàng về thuế giá trị gia tăng và lãi phạt chậm nộp tương ứng liên quan đến doanh thu đã ghi nhận nhưng chưa xuất hóa đơn.”

Đến ngày lập báo cáo này, Công ty chưa ghi nhận bất kỳ một khoản công nợ phải trả thuế giá trị gia tăng và lãi phạt chậm nộp có thể có liên quan đến doanh thu đã ghi nhận nhưng chưa xuất hóa đơn.

Ban Giám đốc Công ty đánh giá và tin tưởng rằng các khoản công nợ tiềm tàng nêu trên không ảnh hưởng trọng yếu đến báo cáo tài chính cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2017 đến ngày 31 tháng 12 năm 2017.

Bằng Công văn này, Công ty kính đề nghị Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh xem xét và chấp thuận theo nội dung giải trình trên của Công ty.

Cũng bằng Công văn này, Công ty kính đề nghị Công ty TNHH Deloitte Việt Nam xác nhận ý kiến giải trình nêu trên.

Công ty cam kết chịu trách nhiệm trước pháp luật về các nội dung giải trình trên.

Trân trọng cảm ơn!

**Nơi nhận:**

- Như kính gửi;
- HĐQT, Ban KS, Ban GD (để b/c);
- Website Công ty (để CBTT);
- Lưu: VT, P.TCKT.

**PHỤ TRÁCH  
CÔNG BỐ THÔNG TIN**



**Mai Đình Bảo**

Số: *423* /VN1A-HN-CV

Hà Nội, ngày 19 tháng 3 năm 2018

**Kính gửi: Công ty Cổ phần Xây lắp Đường ống Bể chứa Dầu khí**

Về việc: *Xác nhận giải trình của Công ty Cổ phần Xây lắp Đường ống Bể chứa Dầu khí về một số nội dung Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 đã được kiểm toán.*

Thưa các Quý Ông,

Phúc đáp Công văn số 192/ĐOBC-TCKT ngày 19 tháng 3 năm 2018 của Quý Công ty về việc giải trình "Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ" và "Vấn đề cần nhấn mạnh" của kiểm toán viên trong Báo cáo kiểm toán độc lập về Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017, chúng tôi xác nhận ý kiến giải trình tại Công văn số 192/ĐOBC-TCKT ngày 19 tháng 3 năm 2018 của Quý Công ty gửi Sở giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh và Ủy ban Chứng khoán Nhà nước là phù hợp với các giải trình Công ty đã cung cấp cho kiểm toán viên trong quá trình kiểm toán, các vấn đề này đã được trình bày trong Báo cáo kiểm toán độc lập số 610 /VN1A-HN-BC ngày 19 tháng 3 năm 2018 về Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 của Công ty Cổ phần Xây lắp Đường ống Bể chứa Dầu khí.

Trân trọng,

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- Lưu Văn thư.

**CÔNG TY TNHH DELOITTE VIỆT NAM  
PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC**



**Dặng Chí Dũng**

**Deloitte.**

**CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẬP ĐƯỜNG ỐNG BỂ CHỨA  
DẦU KHÍ**

*(Thành lập tại nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam)*

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH  
ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN**

**Cho năm tài chính kết thúc  
ngày 31 tháng 12 năm 2017**

AMSC

**CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẬP ĐƯỜNG ỐNG BỂ CHỨA DẦU KHÍ**

Số 35G, đường 30/4, phường 9

Thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu, CHXHCN Việt Nam

---

**MỤC LỤC**

<b><u>NỘI DUNG</u></b>	<b><u>TRANG</u></b>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	1 - 2
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	3 - 4
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	5 - 6
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	7
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	8
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	9 - 30



## **BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC**

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Xây lắp Đường ống Bể chứa Dầu khí (gọi tắt là "Công ty") đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017.

### **HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC**

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

#### **Hội đồng Quản trị**

Ông Trần Quang Ngọc	Chủ tịch
Ông Vũ Chí Cường	Ủy viên
Ông Nguyễn Anh Tuấn	Ủy viên (Miễn nhiệm ngày 27 tháng 4 năm 2017)
Ông Phạm Quốc Trung	Ủy viên (Bổ nhiệm ngày 27 tháng 4 năm 2017)
Ông Nguyễn Minh Ngọc	Ủy viên
Ông Phạm Văn Lân	Ủy viên

#### **Ban Giám đốc**

Ông Vũ Chí Cường	Giám đốc (Bổ nhiệm ngày 01 tháng 01 năm 2017)
Ông Trần Quang Ngọc	Giám đốc (Miễn nhiệm ngày 01 tháng 01 năm 2017)
Ông Mai Đình Bảo	Phó Giám đốc
Ông Nguyễn Minh Ngọc	Phó Giám đốc
Ông Trương Xuân Sỹ	Phó Giám đốc
Ông Nguyễn Anh Tuấn	Phó Giám đốc
Ông Nguyễn Tuấn Minh	Phó Giám đốc

### **TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC**

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Trong việc lập báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

**CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẬP ĐƯỜNG ống BỂ CHỨA DẦU KHÍ**

Số 35G, đường 30/4, phường 9

Thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu, CHXHCN Việt Nam

**BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)**

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng số kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính.

Thay mặt và đại diện cho Ban Giám đốc,



**Vũ Chí Cường**  
**Giám đốc**

Ngày 19 tháng 3 năm 2018



Số: *G10* /VNIA-HN-BC

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi:** Các Cổ đông  
Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc  
Công ty Cổ phần Xây lắp Đường ống Bể chứa Dầu khí

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Xây lắp Đường ống Bể chứa Dầu khí (gọi tắt là "Công ty") được lập ngày 19 tháng 3 năm 2018, từ trang 05 đến trang 30, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

### **Trách nhiệm của Ban Giám đốc**

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### **Trách nhiệm của Kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của Kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, Kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi.

### **Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ**

Như trình bày tại Thuyết minh số 13 phần Thuyết minh báo cáo tài chính, Công ty đang trong thực hiện thủ tục xin gia hạn và đăng ký quyền sử dụng đất của các lô đất tại địa chỉ 35G và 35D, đường 30/4, phường 9, thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu. Tại ngày báo cáo này, Công ty chưa nhận được quyết định chính thức của Ủy ban Nhân dân Thành phố Vũng Tàu liên quan đến các lô đất trình bày ở trên. Theo đó, chúng tôi không thể xác định liệu có cần thiết phải điều chỉnh đối với khoản mục tài sản cố định vô hình và các tài khoản có liên quan khác trên báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 hay không.

Tên Deloitte được dùng để chỉ một hoặc nhiều thành viên của Deloitte Touche Tohmatsu Ltd. một công ty TNHH có trụ sở tại Anh, và mạng lưới các hãng thành viên - mỗi thành viên là một tổ chức độc lập về mặt pháp lý. Deloitte Touche Tohmatsu Ltd. (hay "Deloitte Toàn cầu") không cung cấp dịch vụ cho các khách hàng. Vui lòng xem tại website [www.deloitte.com/about](http://www.deloitte.com/about) để biết thêm thông tin chi tiết về cơ cấu pháp lý của Deloitte Touche Tohmatsu Ltd. và các hãng thành viên.



## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (Tiếp theo)

### **Ý kiến kiểm toán ngoại trừ**

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ các ảnh hưởng có thể có của vấn đề nêu trong đoạn "Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ", báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

### **Vấn đề cần nhấn mạnh**

Như trình bày tại Thuyết minh số 29 phần Thuyết minh báo cáo tài chính, Công ty có các khoản công nợ đang tranh chấp với nhà cung cấp và công nợ tiềm tàng về thuế giá trị gia tăng và lãi phạt chậm nộp tương ứng liên quan đến doanh thu đã ghi nhận nhưng chưa xuất hóa đơn. Ban Giám đốc Công ty đã đánh giá và tin tưởng rằng các nghĩa vụ liên quan đến các khoản công nợ tiềm tàng này (nếu có) sẽ không ảnh hưởng trọng yếu tới báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017. Báo cáo tài chính kèm theo chưa bao gồm bất kỳ điều chỉnh nào có thể có phát sinh từ sự kiện không chắc chắn trình bày ở trên.

Ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi không liên quan đến vấn đề này.



**Đặng Chí Dũng**

**Phó Tổng Giám đốc**

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề  
kiểm toán số 0030-2018-001-1

**CÔNG TY TNHH DELOITTE VIỆT NAM**

Ngày 19 tháng 3 năm 2018

Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

**Phạm Quỳnh Hoa**

**Kiểm toán viên**

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề  
kiểm toán số 0910-2018-001-1

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Đơn vị: VND	
			Số cuối năm	Số đầu năm
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>368.042.386.781</b>	<b>343.917.763.540</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>4</b>	<b>33.430.523.416</b>	<b>42.227.241.638</b>
1. Tiền	111		1.872.879.153	7.256.194.037
2. Các khoản tương đương tiền	112		31.557.644.263	34.971.047.601
<b>II. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>287.291.093.788</b>	<b>232.749.400.401</b>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5	289.210.281.288	225.149.746.386
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		2.010.083.906	953.598.040
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	6	37.578.100.674	37.117.661.849
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	7	(41.507.372.080)	(30.471.605.874)
<b>III. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>8</b>	<b>46.817.078.333</b>	<b>64.979.901.888</b>
1. Hàng tồn kho	141		48.842.122.843	80.750.672.098
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(2.025.044.510)	(15.770.770.210)
<b>IV. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>503.691.244</b>	<b>3.961.219.613</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	9	304.106.827	3.761.635.196
2. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	10	199.584.417	199.584.417
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>72.515.450.923</b>	<b>91.527.000.908</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>1.254.844.767</b>	<b>1.695.553.779</b>
1. Phải thu dài hạn khác	216	6	1.254.844.767	1.695.553.779
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>67.457.433.561</b>	<b>77.782.695.219</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	11	55.343.245.276	63.811.486.666
- Nguyên giá	222		147.109.635.477	145.846.881.135
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(91.766.390.201)	(82.035.394.469)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224	12	3.775.012.872	4.478.929.356
- Nguyên giá	225		4.927.415.332	4.927.415.332
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		(1.152.402.460)	(448.485.976)
3. Tài sản cố định vô hình	227	13	8.339.175.413	9.492.279.197
- Nguyên giá	228		10.292.766.545	10.292.766.545
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(1.953.591.132)	(800.487.348)
<b>III. Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>		<b>-</b>	<b>2.230.414.795</b>
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		-	2.230.414.795
<b>IV. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>3.803.172.595</b>	<b>9.818.337.115</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	9	3.803.172.595	9.818.337.115
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)</b>	<b>270</b>		<b>440.557.837.704</b>	<b>435.444.764.448</b>

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này





**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)**



Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017

Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	
			Số cuối năm	Số đầu năm
<b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>339.264.892.542</b>	<b>355.516.981.934</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>331.411.775.544</b>	<b>344.414.426.390</b>
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	14	108.724.775.059	137.124.168.365
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	15	45.670.262.534	50.361.037.477
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	10	5.291.253.730	10.477.205.016
4. Phải trả người lao động	314		29.149.761.575	47.328.653.476
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	16	43.819.953.614	49.798.164.816
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	17	10.782.273.297	10.252.838.264
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	18	84.752.640.626	32.263.565.335
8. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321	20	2.872.005.371	6.274.343.903
9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		348.849.738	534.449.738
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>7.853.116.998</b>	<b>11.102.555.544</b>
1. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	19	7.032.730.524	8.404.246.212
2. Dự phòng phải trả dài hạn	342	20	820.386.474	2.698.309.332
<b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>101.292.945.162</b>	<b>79.927.782.514</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>21</b>	<b>101.292.945.162</b>	<b>79.927.782.514</b>
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		200.000.000.000	200.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		200.000.000.000	200.000.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		150.826.415	150.826.415
3. Quỹ đầu tư phát triển	418		14.984.594.051	14.984.594.051
4. (Lỗ) lũy kế	421		(113.842.475.304)	(135.207.637.952)
- (Lỗ) lũy kế đến cuối năm trước	421a		(135.207.637.952)	(166.127.675.118)
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay	421b		21.365.162.648	30.920.037.166
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)</b>	<b>440</b>		<b>440.557.837.704</b>	<b>435.444.764.448</b>

  
Phạm Thị Hương Giang  
Người lập biểu

  
Mai Đình Bảo  
Phó Giám đốc/  
Phụ trách kế toán

  
  
Vũ Chí Cường  
Giám đốc

Ngày 19 tháng 3 năm 2018

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này



**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Đơn vị: VND	
			Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	23	214.179.216.207	438.588.123.636
2. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	11	24	146.772.711.633	366.752.484.489
3. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		67.406.504.574	71.835.639.147
4. Doanh thu hoạt động tài chính	21		1.585.894.258	2.019.985.931
5. Chi phí tài chính	22		7.419.605.917	3.215.527.001
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		7.419.605.917	3.010.524.491
6. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	26	46.834.147.000	38.564.239.709
7. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30=20+(21-22)-26)	30		14.738.645.915	32.075.858.368
8. Thu nhập khác	31		7.757.660.821	6.428.414.017
9. Chi phí khác	32		1.131.144.088	7.584.235.219
10. Lợi nhuận/(Lỗ) khác (40=31-32)	40		6.626.516.733	(1.155.821.202)
11. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		21.365.162.648	30.920.037.166
12. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50)	60		21.365.162.648	30.920.037.166
13. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	28	1.068	1.546

Phạm Thị Hương Giang  
Người lập biểu

Mai Đình Bảo  
Phó Giám đốc/  
Phụ trách kế toán



Võ Chí Cường  
Giám đốc

Ngày 19 tháng 3 năm 2018

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm nay	Năm trước
<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>			
<b>1. Lợi nhuận trước thuế</b>	<b>01</b>	<b>21.365.162.648</b>	<b>30.920.037.166</b>
<b>2. Điều chỉnh cho các khoản:</b>			
Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02	11.851.016.000	10.183.498.059
Các khoản dự phòng	03	(2.709.959.494)	(6.048.933.337)
(Lãi) từ hoạt động đầu tư	05	(1.665.644.258)	(3.283.222.777)
Chi phí lãi vay	06	7.419.605.917	3.010.524.491
<b>3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</b>	<b>08</b>	<b>36.260.180.813</b>	<b>34.781.903.602</b>
Thay đổi các khoản phải thu	09	(63.225.848.998)	(187.382.994.357)
Thay đổi hàng tồn kho	10	31.908.549.255	29.945.570.849
Thay đổi các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	(64.975.729.535)	124.131.176.770
Thay đổi chi phí trả trước	12	10.672.147.220	936.835.728
Tiền lãi vay đã trả	14	(7.354.576.195)	(9.962.405.843)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	-	(3.422.015.875)
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(1.694.185.962)	(66.900.000)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>	<b>(58.409.463.402)</b>	<b>(11.038.829.126)</b>
<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>			
1. Tiền chi mua sắm, xây dựng TSCD và các tài sản dài hạn khác	21	(2.953.743.060)	(30.635.325.436)
2. Tiền thu thanh lý, nhượng bán TSCD và các tài sản dài hạn khác	22	79.750.000	1.314.628.811
3. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	1.369.178.637	1.981.355.279
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>	<b>(1.504.814.423)</b>	<b>(27.339.341.346)</b>
<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>			
1. Tiền thu từ đi vay	33	144.240.837.229	62.490.507.999
2. Tiền trả nợ gốc vay	34	(92.078.761.938)	(37.287.598.682)
3. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35	(1.044.515.688)	(1.657.372.818)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>	<b>51.117.559.603</b>	<b>23.545.536.499</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50=20+30+40)</b>	<b>50</b>	<b>(8.796.718.222)</b>	<b>(14.832.633.973)</b>
<b>Tiền và tương đương tiền đầu năm</b>	<b>60</b>	<b>42.227.241.638</b>	<b>57.059.875.611</b>
<b>Tiền và tương đương tiền cuối năm (70=50+60)</b>	<b>70</b>	<b>33.430.523.416</b>	<b>42.227.241.638</b>

Phạm Thị Hương Giang  
Người lập biểu

Mai Đình Bảo  
Phó Giám đốc/  
Phụ trách kế toán

Vũ Chí Cường  
Giám đốc

Ngày 19 tháng 3 năm 2018

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

**1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT****Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Xây lắp Đường ống Bể chứa Dầu khí (gọi tắt là "Công ty") là doanh nghiệp được thành lập tại Việt Nam theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh Công ty cổ phần số 3500833615 ngày 26 tháng 11 năm 2009 và thay đổi lần thứ bảy ngày 04 tháng 01 năm 2017 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu cấp.

Công ty mẹ của Công ty là Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam.

Vốn điều lệ của Công ty là 200.000.000.000 VND, tương ứng với 20.000.000 cổ phần phổ thông, mỗi cổ phần có mệnh giá là 10.000 VND.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 là 476 (ngày 31 tháng 12 năm 2016: 699).

**Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính**

Hoạt động kinh doanh của Công ty bao gồm:

- Thi công các công trình đường ống, bồn, bể chứa;
- Lắp đặt các hệ thống thiết bị công nghệ, hệ thống thiết bị điều khiển, tự động hóa công nghiệp, lắp đặt các hệ thống đường dây tải điện và các hệ thống điện dân dụng và công nghiệp khác;
- Sửa chữa phương tiện vận tải thủy;
- Khảo sát, duy tu, bảo dưỡng và sửa chữa các công trình khí (ngoài biển, đất liền), các công trình thi công xây dựng và dân dụng cảng sông, cảng biển và các công trình công nghiệp khác;
- Kinh doanh khu đô thị, văn phòng, siêu thị và nhà ở;
- Đầu tư xây dựng các nhà máy chế tạo cơ khí thiết bị phục vụ ngành dầu khí;
- Đầu tư xây dựng các nhà máy đóng tàu, vận tải dầu, khí, hóa chất, nhà máy đóng giàn khoan;
- Đầu tư xây dựng cảng sông, cảng biển;
- Đầu tư xây dựng các khu công nghiệp;
- Đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng giao thông;
- Đầu tư xây dựng các dự án hạ tầng, các công trình thủy lợi, đê, kè, bến cảng, cầu đường, công trình dân dụng và công nghiệp khác;
- Đầu tư khai thác mỏ (cát đá...);
- Đóng tàu vận tải dầu, khí, hóa chất;
- Chế tạo thiết bị cơ khí phục vụ ngành dầu khí, đóng tàu và kinh doanh cảng sông, cảng biển;
- Chế tạo, lắp đặt các chân đế giàn khoan, các kết cấu kim loại, các bồn bể chứa (xăng, dầu, khí hóa lỏng, nước), bình chịu áp lực và hệ thống công nghệ;
- Mua bán thiết bị xây dựng dầu khí;
- Sản xuất các sản phẩm công nghiệp (kho chứa, nhiệt điện, thủy điện...);
- Vận chuyển dầu và khí hóa lỏng, hóa chất;
- Kinh doanh vật liệu xây dựng.

Hoạt động chính của Công ty là khảo sát thiết kế và xây lắp.



**Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường**

Do đặc điểm hoạt động của Công ty chủ yếu làm trong lĩnh vực xây lắp, Công ty không có chu kỳ sản xuất kinh doanh cố định mà phụ thuộc vào từng hợp đồng ký kết với chủ đầu tư.

**Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong năm tài chính có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính**

Theo Quyết định số 31/QĐ-HDQT ngày 13 tháng 4 năm 2017 của Hội đồng Quản trị, Công ty đã thực hiện giải thể Xí nghiệp Xây lắp số 5 theo đề án tái cơ cấu và định biên nhân sự năm 2017 của Công ty. Theo đó, Công ty đang trong quá trình thực hiện quyết toán thuế của Xí nghiệp Xây lắp số 5 để hoàn thành các thủ tục giải thể liên quan.

**Cấu trúc doanh nghiệp**

Cấu trúc của Công ty bao gồm trụ sở chính và các chi nhánh là các xí nghiệp xây lắp:

- Xí nghiệp Xây lắp số 1: thành lập ngày 16 tháng 3 năm 2015 tại Thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, CHXHCN Việt Nam.
- Xí nghiệp Xây lắp số 2: thành lập ngày 16 tháng 3 năm 2015 tại Thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, CHXHCN Việt Nam.
- Xí nghiệp Xây lắp số 3: thành lập ngày 16 tháng 3 năm 2015 tại Thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, CHXHCN Việt Nam.
- Xí nghiệp Xây lắp số 5: thành lập ngày 30 tháng 11 năm 2011 tại Thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, CHXHCN Việt Nam (đã giải thể theo Quyết định của HDQT nêu trên).

**Thuyết minh về khả năng so sánh thông tin trên báo cáo tài chính**

Số liệu so sánh là số liệu của báo cáo tài chính của Công ty đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016.

**2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ NĂM TÀI CHÍNH**

**Cơ sở lập báo cáo tài chính**

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

**Năm tài chính**

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU**

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính:

**Ước tính kế toán**

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

**Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.



**Nợ phải thu**

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự. Ban Giám đốc Công ty đã đánh giá và xem xét một cách thận trọng về khả năng thu hồi của các khoản nợ phải thu và tin tưởng rằng số trích lập dự phòng tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 là phù hợp với tình hình thực tế của Công ty.

**Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

**Tài sản cố định hữu hình và khấu hao**

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	<b>Năm nay</b>
	<b>Số năm</b>
Nhà cửa, vật kiến trúc	5 - 40
Máy móc, thiết bị	5 - 7
Phương tiện vận tải	5 - 8
Thiết bị văn phòng	3 - 5

**Thuê tài sản**

Một khoản thuê được xem là thuê tài chính khi phần lớn các quyền lợi và rủi ro về quyền sở hữu tài sản được chuyển sang cho người đi thuê. Tất cả các khoản thuê khác được xem là thuê hoạt động.

Công ty ghi nhận tài sản thuê tài chính là tài sản của Công ty theo giá trị hợp lý của tài sản thuê tại thời điểm khởi đầu thuê tài sản hoặc theo giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu, nếu giá trị này thấp hơn. Nợ phải trả bên cho thuê tương ứng được ghi nhận trên bảng cân đối kế toán như một khoản nợ phải trả về thuê tài chính. Các khoản thanh toán tiền thuê được chia thành chi phí tài chính và khoản phải trả nợ gốc nhằm đảm bảo tỷ lệ lãi suất định kỳ cố định trên số dư nợ còn lại. Chi phí thuê tài chính được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh, trừ khi các chi phí này trực tiếp hình thành nên tài sản đi thuê, trong trường hợp đó sẽ được vốn hóa theo chính sách kế toán của Công ty về chi phí đi vay.

Một khoản thuê được xem là thuê hoạt động khi bên cho thuê vẫn được hưởng phần lớn các quyền lợi và phải chịu rủi ro về quyền sở hữu tài sản. Chi phí thuê hoạt động được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian thuê. Các khoản tiền nhận được hoặc phải thu nhằm tạo điều kiện ký kết hợp đồng thuê hoạt động cũng được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian thuê.



Các tài sản đi thuê tài chính được khấu hao trên thời gian hữu dụng ước tính tương tự như áp dụng với tài sản thuộc sở hữu của Công ty, cụ thể như sau:

	<b>Năm nay Số năm</b>
Phương tiện vận tải	7 - 8

**Tài sản cố định vô hình và khấu hao**

**Quyền sử dụng đất**

Tài sản cố định vô hình thể hiện giá trị quyền sử dụng đất tại lô đất 35D và 35G, đường 30/4, thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu và được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Quyền sử dụng đất được phân bổ theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian ước tính là 10 năm.

**Phần mềm**

Tài sản cố định vô hình thể hiện phần mềm máy tính của Ban điều hành Dự án xây dựng công trình Kho chứa LPG lạnh Thị Vải nhận bàn giao từ Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam và phần mềm quản lý nhân sự, được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Các phần mềm này được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng 3 năm.

**Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm các chi phí cần thiết để hình thành tài sản bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

**Các khoản trả trước**

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước bao gồm lợi thế kinh doanh phát sinh khi xác định giá trị doanh nghiệp để chuyển sang công ty cổ phần và các khoản chi phí trả trước khác.

Chi phí lợi thế kinh doanh khi xác định giá trị doanh nghiệp để chuyển sang công ty cổ phần phát sinh kể từ ngày 01 tháng 02 năm 2010 với số tiền là 5.186.760.000 VND và được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng trên thời gian hữu dụng ước tính của lợi thế kinh doanh trong vòng 10 năm. Theo đánh giá của Ban Giám đốc Công ty, việc phân bổ lợi thế kinh doanh trong thời gian 10 năm là phù hợp với các quy định về kế toán hiện hành và tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh hiện nay của Công ty.

Các khoản chi phí trả trước khác bao gồm giá trị công cụ, dụng cụ, linh kiện loại nhỏ đã xuất dùng và được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước và được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, sử dụng phương pháp đường thẳng theo các quy định kế toán hiện hành.

**Ghi nhận doanh thu**

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- (a) Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- (b) Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;



- (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (d) Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều niên độ thì doanh thu được ghi nhận trong niên độ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày của bảng cân đối kế toán của niên độ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của bảng cân đối kế toán; và
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu từ hợp đồng xây dựng của Công ty được ghi nhận theo chính sách kế toán của Công ty về hợp đồng xây dựng (xem chi tiết dưới đây).

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

#### **Hợp đồng xây dựng**

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng có thể được ước tính một cách đáng tin cậy, doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành tại ngày kết thúc niên độ kế toán được tính bằng tỷ lệ phần trăm giữa chi phí phát sinh của phần công việc đã hoàn thành tại ngày kết thúc niên độ kế toán so với tổng chi phí dự toán của hợp đồng, ngoại trừ trường hợp chi phí này không tương đương với phần khối lượng xây lắp đã hoàn thành. Khoản chi phí này có thể bao gồm các chi phí phụ thêm, các khoản bồi thường và chi thường thực hiện hợp đồng theo thỏa thuận với khách hàng. Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng không thể được ước tính một cách đáng tin cậy, doanh thu chỉ được ghi nhận tương đương với chi phí của hợp đồng đã phát sinh mà việc được hoàn trả là tương đối chắc chắn.

#### **Ngoại tệ**

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

#### **Chi phí đi vay**

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong niên độ khi phát sinh, trừ khi được vốn hoá theo quy định của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 16 "Chi phí đi vay". Theo đó, chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

#### **Các khoản dự phòng phải trả**

Các khoản dự phòng phải trả được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, và Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

10/2021/2021/2021



Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, Ban Giám đốc Công ty đã đánh giá một cách thận trọng và tin tưởng rằng Công ty không phải trích lập dự phòng bảo hành cho các công trình sửa chữa giàn mà Công ty thi công.

#### **Thuế**

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận trước thuế được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuận.

Công ty không ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại liên quan đến lỗ chịu thuế tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 mà khoản lỗ này có thể được mang sang và bù trừ với lợi nhuận chịu thuế của 5 năm tiếp theo kể từ năm phát sinh lỗ đo tính không chắc chắn của thu nhập chịu thuế trong tương lai.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

#### **4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

	<b>Số cuối năm VND</b>	<b>Số đầu năm VND</b>
Tiền mặt	38.089.500	13.999.411
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	1.834.789.653	7.242.194.626
Các khoản tương đương tiền (i)	31.557.644.263	34.971.047.601
	<b>33.430.523.416</b>	<b>42.227.241.638</b>

(i) Các khoản tương đương tiền phản ánh các khoản tiền gửi tại các ngân hàng thương mại có kỳ hạn gốc không quá 3 tháng.



**5. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG**

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
<b>a. Ngắn hạn</b>	<b>176.808.074.609</b>	<b>124.357.359.693</b>
Tổng Công ty Lắp máy Việt Nam	138.868.376.010	95.327.593.432
Xí nghiệp Liên doanh Dầu khí Việt - Nga Vietsovetro	22.078.828.477	10.197.149.403
Ban Quản lý Dự án huyện Côn Đảo	12.020.849.096	14.694.809.580
Các khách hàng khác	3.840.021.026	4.137.807.278
<b>b. Phải thu ngắn hạn khách hàng là các bên liên quan</b> (Chi tiết tại Thuyết minh số 30 - Nghiệp vụ và số dư với các bên liên quan)	<b>112.402.206.679</b>	<b>100.792.386.693</b>
	<b>289.210.281.288</b>	<b>225.149.746.386</b>

**6. PHẢI THU KHÁC**

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
<b>a. Ngắn hạn</b>	<b>11.101.588.648</b>	<b>10.641.149.823</b>
Tạm ứng	1.114.462.132	987.095.110
Ký cược, ký quỹ	4.240.300.620	5.493.777.570
Phải thu khác	5.746.825.896	4.160.277.143
<b>b. Phải thu ngắn hạn khác là các bên liên quan</b> (Chi tiết tại Thuyết minh số 30 - Nghiệp vụ và số dư với các bên liên quan)	<b>26.476.512.026</b>	<b>26.476.512.026</b>
	<b>37.578.100.674</b>	<b>37.117.661.849</b>
<b>c. Dài hạn</b>		
Ký cược, ký quỹ	1.254.844.767	1.695.553.779
	<b>1.254.844.767</b>	<b>1.695.553.779</b>

**7. NỢ XẤU**

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
	VND	VND	VND	VND
<b>Phải thu khó có khả năng thu hồi theo đối tượng</b>				
Công ty Cổ phần Thiết bị Nội ngoại thất Dầu khí	26.414.393.577	-	26.414.393.577	-
Ban Quản lý dự án huyện Côn Đảo	12.020.849.096	2.135.800.729	14.694.809.580	14.694.809.580
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây lập Dầu khí Sài Gòn	1.062.727.230	-	1.062.727.230	-
Công ty TNHH MTV Xây lắp Dầu khí Hà Nội	149.346.035	-	384.965.684	-
Các đối tượng khác	3.995.856.871	-	2.609.519.383	-
	<b>43.643.172.809</b>	<b>2.135.800.729</b>	<b>45.166.415.454</b>	<b>14.694.809.580</b>

Giá trị có thể thu hồi được Công ty tính toán dựa trên cơ sở giá gốc khoản nợ xấu trừ đi dự phòng đã trích lập tại thời điểm kết thúc năm tài chính.

**8. HÀNG TỒN KHO**

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	1.406.618.300	371.219.060	1.694.813.728	421.623.000
Công cụ, dụng cụ	2.394.050.286	112.886.280	2.487.640.426	120.346.280
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	45.041.454.257	1.540.939.170	76.568.217.944	15.228.800.930
	<b>48.842.122.843</b>	<b>2.025.044.510</b>	<b>80.750.672.098</b>	<b>15.770.770.210</b>

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, giá trị hàng tồn kho là nguyên liệu, vật liệu và công cụ dụng cụ ứ đọng, kém, mất phẩm chất không có khả năng tiêu thụ là 484.105.340 VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2016: 541.969.280 VND).

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, Công ty trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho dựa trên đánh giá giá trị thuần có thể thực hiện được và khả năng mang lại lợi ích kinh tế trong tương lai của chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang.

**9. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC**

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
<b>a. Ngắn hạn</b>		
Giá trị công cụ, dụng cụ đã xuất dùng	237.817.371	970.725.409
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	66.289.456	2.790.909.787
	<b>304.106.827</b>	<b>3.761.635.196</b>
<b>b. Dài hạn</b>		
Giá trị công cụ, dụng cụ đã xuất dùng	1.080.575.000	6.783.460.813
Lợi thế kinh doanh	869.610.412	1.599.251.000
Chi phí trả trước dài hạn khác	1.852.987.183	1.435.625.302
	<b>3.803.172.595</b>	<b>9.818.337.115</b>

**10. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU/PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC**

Chi tiêu	Phát sinh trong năm			Số cuối năm
	Số đầu năm	Số phải nộp/	Số đã thực nộp/	
		VND	phải thu trong năm	
		VND	VND	VND
<b>a. Các khoản phải thu</b>				
Thuế thu nhập doanh nghiệp	199.584.417	-	-	199.584.417
<b>Cộng</b>	<b>199.584.417</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>199.584.417</b>
<b>b. Các khoản phải trả</b>				
Thuế giá trị gia tăng	8.890.198.759	20.504.581.805	25.201.535.891	4.193.244.673
Thuế GTGT đầu ra	8.890.198.759	20.504.581.805	25.201.535.891	4.193.244.673
Các loại thuế khác	1.587.006.257	1.645.615.473	2.134.612.673	1.098.009.057
Thuế thu nhập cá nhân	547.236.867	330.037.171	756.703.033	120.571.005
Thuế khác	1.039.769.390	1.315.578.302	1.377.909.640	977.438.052
<b>Cộng</b>	<b>10.477.205.016</b>	<b>22.150.197.278</b>	<b>27.336.148.564</b>	<b>5.291.253.730</b>



**11. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH**

	Nhà cửa và vật kiến trúc VND	Máy móc và thiết bị VND	Phương tiện vận tải VND	Thiết bị văn phòng VND	Tổng cộng VND
<b>NGUYÊN GIÁ</b>					
Số dư đầu năm	53.495.246.908	45.328.169.704	45.831.317.851	1.192.146.672	145.846.881.135
Mua sắm mới	-	-	-	153.743.060	153.743.060
Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	-	1.372.011.282	-	-	1.372.011.282
Thanh lý, nhượng bán	-	-	(263.000.000)	-	(263.000.000)
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>53.495.246.908</b>	<b>46.700.180.986</b>	<b>45.568.317.851</b>	<b>1.345.889.732</b>	<b>147.109.635.477</b>
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ</b>					
Số dư đầu năm	8.830.466.062	36.405.524.622	35.865.639.074	933.764.711	82.035.394.469
Trích khấu hao trong năm	2.077.974.972	2.258.285.498	5.540.997.860	116.737.402	9.993.995.732
Thanh lý, nhượng bán	-	-	(263.000.000)	-	(263.000.000)
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>10.908.441.034</b>	<b>38.663.810.120</b>	<b>41.143.636.934</b>	<b>1.050.502.113</b>	<b>91.766.390.201</b>
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>					
Tại ngày đầu năm	44.664.780.846	8.922.645.082	9.965.678.777	258.381.961	63.811.486.666
Tại ngày cuối năm	42.586.805.874	8.036.370.866	4.424.680.917	295.387.619	55.343.245.276

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, nguyên giá của tài sản cố định hữu hình bao gồm các tài sản cố định đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng với giá trị là 42.554.540.917 VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2016: 39.435.103.879 VND).

**12. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH THUÊ TÀI CHÍNH**

	Phương tiện vận tải VND	Tổng cộng VND
<b>NGUYÊN GIÁ</b>		
Số dư đầu năm	4.927.415.332	4.927.415.332
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>4.927.415.332</b>	<b>4.927.415.332</b>
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ</b>		
Số dư đầu năm	448.485.976	448.485.976
Khấu hao trong năm	703.916.484	703.916.484
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>1.152.402.460</b>	<b>1.152.402.460</b>
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>		
Tại ngày đầu năm	4.478.929.356	4.478.929.356
Tại ngày cuối năm	3.775.012.872	3.775.012.872

Theo Hợp đồng thuê tài chính số 2016-00063-001 và 2016-00063-002 giữa Công ty và Công ty TNHH Cho thuê Tài chính Quốc tế Việt Nam, Công ty được quyền mua tài sản khi kết thúc thời hạn thuê.

**13. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH**

	Quyền sử dụng đất	Phần mềm máy tính	Tổng cộng
	VND	VND	VND
<b>NGUYÊN GIÁ</b>			
Số dư đầu năm	9.395.704.545	897.062.000	10.292.766.545
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>9.395.704.545</b>	<b>897.062.000</b>	<b>10.292.766.545</b>
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ</b>			
Số dư đầu năm	440.700.000	359.787.348	800.487.348
Trích khấu hao trong năm	939.570.456	213.533.328	1.153.103.784
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>1.380.270.456</b>	<b>573.320.676</b>	<b>1.953.591.132</b>
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>			
Tại ngày đầu năm	<b>8.955.004.545</b>	<b>537.274.652</b>	<b>9.492.279.197</b>
Tại ngày cuối năm	<b>8.015.434.089</b>	<b>323.741.324</b>	<b>8.339.175.413</b>

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, nguyên giá của tài sản cố định vô hình bao gồm phần mềm máy tính đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng với giá trị là 189.062.000 VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2016: 189.062.000 VND).

Quyền sử dụng đất phản ánh chi phí mua quyền sử dụng đất tại số 35G và 35D, đường 30/4, phường 9, thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu từ Công ty Cổ phần Xây dựng Dân dụng và Công nghiệp Dầu khí. Công ty đang trong thực hiện thủ tục xin gia hạn và đăng ký quyền sử dụng đất của các lô đất này. Tại ngày báo cáo này, Công ty chưa nhận được quyết định chính thức của Ủy ban Nhân dân Thành phố Vũng Tàu liên quan đến các lô đất trình bày ở trên. Việc chuyển quyền sử dụng trên thành công hay không phụ thuộc vào quyết định của Ủy ban Nhân dân Thành phố Vũng Tàu.



**14. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN**

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
<b>a. Ngắn hạn</b>	<b>94.448.502.667</b>	<b>94.448.502.667</b>	<b>121.249.645.462</b>	<b>121.249.645.462</b>
Công ty Cổ phần Lắp máy & Xây dựng Sài Gòn	9.580.022.227	9.580.022.227	5.513.478.365	5.513.478.365
Công ty Cổ phần Kỹ thuật Nền móng FECON (*)	6.189.525.220	6.189.525.220	6.189.525.220	6.189.525.220
Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí 2 (*)	4.629.966.337	4.629.966.337	4.629.966.337	4.629.966.337
Công ty Cổ phần Cấp điện và Hệ thống LS - Vina (*)	3.515.637.122	3.515.637.122	3.515.637.122	3.515.637.122
Công ty Cổ phần Xây lắp và Thương mại Kỹ thuật Long Thành	3.500.467.350	3.500.467.350	6.930.497.262	6.930.497.262
Công ty Cổ phần Lisemco	3.233.217.228	3.233.217.228	9.175.233.923	9.175.233.923
Công ty TNHH MTV Đóng tàu Bạch Đằng	3.160.736.432	3.160.736.432	4.410.337.456	4.410.337.456
Công ty Cổ phần Sản xuất và Thương mại Hòa Thịnh (*)	3.152.319.093	3.152.319.093	3.152.319.093	3.152.319.093
Công ty Cổ phần Giải pháp Công nghệ Kiểm tra Không phá hủy Dầu khí Việt Nam	3.067.425.971	3.067.425.971	3.067.425.971	3.067.425.971
Công ty Cổ phần Thiết bị và Dịch vụ Kỹ thuật Lotus Việt Nam	2.613.614.981	2.613.614.981	536.985.294	536.985.294
Công ty Cổ phần Lilama 69 - 2	2.320.890.344	2.320.890.344	2.819.848.524	2.819.848.524
Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại Dầu khí Sông Đà	-	-	5.753.072.896	5.753.072.896
Các đối tượng khác	49.484.680.362	49.484.680.362	65.555.317.999	65.555.317.999
<b>b. Phải trả người bán ngắn hạn là các bên liên quan (Chi tiết tại Thuyết minh số 30 - Nghiệp vụ và số dư với các bên liên quan)</b>	<b>14.276.272.392</b>	<b>14.276.272.392</b>	<b>15.874.522.903</b>	<b>15.874.522.903</b>
	<b>108.724.775.059</b>	<b>108.724.775.059</b>	<b>137.124.168.365</b>	<b>137.124.168.365</b>

(\*) Các khoản phải trả người bán này đã quá hạn thanh toán.

**15. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN**

	<u>Số cuối năm</u> <b>VND</b>	<u>Số đầu năm</u> <b>VND</b>
<b>a. Ngắn hạn</b>	<b>5.383.562.129</b>	<b>5.860.250.490</b>
Xí nghiệp Liên doanh Dầu khí Việt - Nga	5.383.562.129	5.860.250.490
<b>b. Người mua trả tiền trước ngắn hạn là các bên liên quan</b> (Chi tiết tại Thuyết minh số 30 - Nghiệp vụ và số dư với các bên liên quan)	<b>40.286.700.405</b>	<b>44.500.786.987</b>
	<b>45.670.262.534</b>	<b>50.361.037.477</b>

**16. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN**

	<u>Số cuối năm</u> <b>VND</b>	<u>Số đầu năm</u> <b>VND</b>
Chi phí phải trả của các công trình xây lắp do Công ty thực hiện (i)	28.847.102.793	25.701.311.385
Qũy lương dự phòng	12.244.667.860	19.979.019.394
Lãi vay phải trả	147.074.252	82.044.530
Chi phí phải trả khác	2.581.108.709	4.035.789.507
	<b>43.819.953.614</b>	<b>49.798.164.816</b>

- (i) Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, chi phí phải trả của các công trình xây lắp do Công ty thực hiện bao gồm chi phí ước tính phải trả cho các đội thi công của Công ty theo khối lượng và giá trị bảng khoán với tổng số tiền là 781.555.312 VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2016: 781.555.312 VND). Ban Giám đốc Công ty đã đánh giá và tin tưởng rằng các chi phí ước tính phải trả cho các đội thi công của Công ty là đầy đủ và phù hợp với thực tế phát sinh.

**17. PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC**

	<u>Số cuối năm</u> <b>VND</b>	<u>Số đầu năm</u> <b>VND</b>
Xí nghiệp Liên doanh Dầu khí Việt - Nga Vietsovpetro	2.584.312.000	2.584.312.000
Kinh phí công đoàn	1.655.394.352	1.306.489.336
Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế và bảo hiểm thất nghiệp	1.543.355.347	696.406.325
Các khoản phải trả khác	4.999.211.598	5.665.630.603
	<b>10.782.273.297</b>	<b>10.252.838.264</b>



**18. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN**

Chi tiêu	Số đầu năm		Phát sinh trong năm		Số cuối năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
<b>Vay ngắn hạn</b>	<b>28.376.949.982</b>	<b>28.376.949.982</b>	<b>142.163.237.229</b>	<b>89.088.462.273</b>	<b>81.451.724.938</b>	<b>81.451.724.938</b>
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quốc dân - Chi nhánh Bà Rịa-Vũng Tàu (i)	28.376.949.982	28.376.949.982	103.987.963.275	70.964.900.980	61.400.012.277	61.400.012.277
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Sài Gòn Hà Nội (ii)	-	-	38.175.273.954	18.123.561.293	20.051.712.661	20.051.712.661
<b>Vay dài hạn đến hạn trả (xem Thuyết minh số 19)</b>	<b>2.842.099.665</b>	<b>2.842.099.665</b>	<b>2.256.400.000</b>	<b>2.842.099.665</b>	<b>2.256.400.000</b>	<b>2.256.400.000</b>
<b>Nợ thuê tài chính dài hạn đến hạn trả (xem Thuyết minh số 19)</b>	<b>1.044.515.688</b>	<b>1.044.515.688</b>	<b>1.044.515.688</b>	<b>1.044.515.688</b>	<b>1.044.515.688</b>	<b>1.044.515.688</b>
<b>Cộng</b>	<b>32.263.565.335</b>	<b>32.263.565.335</b>	<b>145.464.152.917</b>	<b>92.975.077.626</b>	<b>84.752.640.626</b>	<b>84.752.640.626</b>

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, số dư vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn thể hiện các khoản vay sau:

- (i) Vay ngắn hạn từ Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quốc dân - Chi nhánh Bà Rịa - Vũng Tàu theo các Hợp đồng tín dụng ngắn hạn riêng lẻ. Các khoản vay này rút bằng Đồng Việt Nam, áp dụng cho phương thức cho vay theo món, thời hạn cho vay từ 9 đến 12 tháng, kể từ ngày giải ngân đầu tiên. Mục đích khoản vay là bổ sung vốn lưu động để thực hiện các hợp đồng xây lắp của Công ty. Tài sản đảm bảo là quyền đòi nợ của Công ty với các chủ đầu tư. Lãi suất vay thay đổi sau mỗi 03 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên hoặc khi có thay đổi các quy định của pháp luật Việt Nam có liên quan đến lãi suất vay, trong trường hợp có thay đổi thì lãi suất vay mới được xác định bằng lãi suất huy động áp dụng đối với khách hàng cá nhân, lĩnh lãi cuối kỳ, kỳ hạn 13 tháng cộng với biên độ 3%/năm.
- (ii) Vay ngắn hạn từ Ngân hàng Thương mại Cổ phần Sài Gòn-Hà Nội - Chi nhánh Vũng Tàu theo các Hợp đồng tín dụng ngắn hạn riêng lẻ. Các khoản vay này rút bằng Đồng Việt Nam, áp dụng cho phương thức cho vay theo món, thời hạn cho vay từ 9 đến 12 tháng, kể từ ngày giải ngân đầu tiên. Mục đích khoản vay là bổ sung vốn lưu động để thực hiện các hợp đồng xây lắp của Công ty. Tài sản đảm bảo là quyền đòi nợ của Công ty với các chủ đầu tư. Lãi suất vay thay đổi sau mỗi 03 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên hoặc khi có thay đổi các quy định của pháp luật Việt Nam có liên quan đến lãi suất vay, trong trường hợp có thay đổi thì lãi suất vay mới được xác định bằng lãi suất huy động áp dụng đối với khách hàng cá nhân, lĩnh lãi cuối kỳ, kỳ hạn 13 tháng cộng với biên độ 3%/năm.

**19. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH DÀI HẠN**

Chi tiêu	Số đầu năm		Phát sinh trong năm		Số cuối năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
<b>Vay dài hạn</b>	<b>8.722.099.665</b>	<b>8.722.099.665</b>	<b>2.077.600.000</b>	<b>2.990.299.665</b>	<b>7.809.400.000</b>	<b>7.809.400.000</b>
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quốc dân - Chi nhánh Bà Rịa - Vũng Tàu (i)	8.722.099.665	8.722.099.665	2.077.600.000	2.990.299.665	7.809.400.000	7.809.400.000
<b>Nợ thuê tài chính dài hạn</b>	<b>3.568.761.900</b>	<b>3.568.761.900</b>	<b>-</b>	<b>1.044.515.688</b>	<b>2.524.246.212</b>	<b>2.524.246.212</b>
Công ty TNHH Cho thuê Tài chính Quốc tế Việt Nam (ii)	3.568.761.900	3.568.761.900	-	1.044.515.688	2.524.246.212	2.524.246.212
<b>Cộng</b>	<b>12.290.861.565</b>	<b>12.290.861.565</b>	<b>2.077.600.000</b>	<b>4.034.815.353</b>	<b>10.333.646.212</b>	<b>10.333.646.212</b>
<b>Trong đó:</b>						
Số phải trả trong vòng 12 tháng					3.300.915.688	
Số phải trả sau 12 tháng					7.032.730.524	

- (i) Vay dài hạn từ Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quốc dân - Chi nhánh Bà Rịa - Vũng Tàu theo các Hợp đồng tín dụng dài hạn riêng lẻ. Các khoản vay này rút bằng Đồng Việt Nam, áp dụng cho phương thức cho vay theo món, thời hạn cho vay từ trên 12 tháng đến 60 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên. Mục đích khoản vay là mua sắm tài sản cố định, nâng cao năng lực máy móc thiết bị của Công ty. Tài sản đảm bảo là chính máy móc, thiết bị đó. Lãi suất vay thay đổi sau mỗi 03 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên hoặc khi có thay đổi các quy định của pháp luật Việt Nam có liên quan đến lãi suất vay, trong trường hợp có thay đổi thì lãi suất vay mới được xác định bằng lãi suất huy động áp dụng đối với khách hàng cá nhân, lĩnh lãi cuối kỳ, kỳ hạn 13 tháng cộng với biên độ 3%/năm.
- (ii) Thuê tài chính 02 chiếc xe Toyota Land Cruiser Prado theo Hợp đồng thuê tài chính số 2016-00063-001 và 2016-00063-002 ngày 19 tháng 5 năm 2016 ký với Công ty TNHH Cho thuê Tài chính Quốc tế Việt Nam. Giá trị tài sản thuê là giá mua tài sản thuê và các loại thuế liên quan. Công ty trả trước cho Công ty TNHH Cho thuê Tài chính Quốc tế Việt Nam số tiền tương đương 15% giá trị tài sản thuê và ký cược số tiền tương đương 10% giá trị tài sản thuê. Số tiền cho thuê tương đương 85% giá trị tài sản thuê cộng (+) 100% phí bảo hiểm, giá trị mua lại là 0,3% giá trị tài sản thuê. Lãi suất cho thuê là lãi suất tiền gửi kỳ hạn 12 tháng của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam. Thời hạn cho thuê là 48 tháng kể từ ngày Công ty nhận nợ lần đầu.



Khoản vay dài hạn được hoàn trả theo lịch biểu sau:

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Trong vòng một năm	2.256.400.000	2.842.099.665
Trong năm thứ hai	2.256.400.000	1.960.000.000
Từ năm thứ ba đến năm thứ năm	3.296.600.000	3.920.000.000
	<b>7.809.400.000</b>	<b>8.722.099.665</b>
Trừ: số phải trả trong vòng 12 tháng	2.256.400.000	2.842.099.665
<i>(được trình bày ở phần vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn)</i>		
<b>Số phải trả sau 12 tháng</b>	<b>5.553.000.000</b>	<b>5.880.000.000</b>

Các khoản nợ thuê tài chính dài hạn được hoàn trả theo lịch biểu như sau:

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Trong vòng một năm	1.044.515.688	1.044.515.688
Trong năm thứ hai	1.044.515.688	1.044.515.688
Từ năm thứ ba đến năm thứ năm	435.214.836	1.479.730.524
	<b>2.524.246.212</b>	<b>3.568.761.900</b>
Trừ: số phải trả trong vòng 12 tháng	1.044.515.688	1.044.515.688
<i>(được trình bày ở phần vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn)</i>		
<b>Số phải trả sau 12 tháng</b>	<b>1.479.730.524</b>	<b>2.524.246.212</b>

**20. CÁC KHOẢN DỰ PHÒNG**

	<u>Dự phòng bảo hành sản phẩm</u>	<u>Tổng cộng</u>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
<b>Số dư đầu năm</b>	<b>8.972.653.235</b>	<b>8.972.653.235</b>
Trích lập dự phòng bổ sung trong năm	1.614.495.157	1.614.495.157
Hoàn nhập dự phòng	(6.894.756.547)	(6.894.756.547)
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>3.692.391.845</b>	<b>3.692.391.845</b>
	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Chi tiết:		
- Dự phòng ngắn hạn	2.872.005.371	6.274.343.903
- Dự phòng dài hạn	820.386.474	2.698.309.332
	<b>3.692.391.845</b>	<b>8.972.653.235</b>

Dự phòng bảo hành sản phẩm là ước tính chính xác nhất của Ban Giám đốc về khoản nợ phải trả cho thời hạn bảo hành Công ty áp dụng đối với các công trình trong thời gian bảo hành theo điều khoản hợp đồng.

**21. VỐN CHỦ SỞ HỮU**

**Thay đổi trong vốn chủ sở hữu**

	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quý đầu tư phát triển	Lỗi lũy kế	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND
Số dư đầu năm trước	200.000.000.000	150.826.415	14.984.594.051	(166.127.675.118)	49.007.745.348
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	30.920.037.166	30.920.037.166
Số dư đầu năm nay	200.000.000.000	150.826.415	14.984.594.051	(135.207.637.952)	79.927.782.514
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	21.365.162.648	21.365.162.648
Số dư cuối năm nay	200.000.000.000	150.826.415	14.984.594.051	(113.842.475.304)	101.292.945.162

**Vốn điều lệ**

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ bảy ngày 04 tháng 01 năm 2017, vốn đầu tư và vốn điều lệ của Công ty đều là 200.000.000.000 VND. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, vốn điều lệ đã được các cổ đông góp đủ như sau:

Cổ đông	Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 7		Vốn đã góp Số cuối năm	Vốn đã góp Số đầu năm
	VND	%	VND	VND
Tổng Công ty Cổ phần Xây lập Dầu khí Việt Nam	102.000.000.000	51	102.000.000.000	102.000.000.000
Các cổ đông khác	98.000.000.000	49	98.000.000.000	98.000.000.000
	<b>200.000.000.000</b>	<b>100</b>	<b>200.000.000.000</b>	<b>200.000.000.000</b>
			<b>Số cuối năm</b>	<b>Số đầu năm</b>

**Cổ phiếu**

Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng

+) Cổ phiếu phổ thông	20.000.000	20.000.000
+) Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Số lượng cổ phiếu đang lưu hành

+) Cổ phiếu phổ thông	20.000.000	20.000.000
+) Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá là 10.000 VND/cổ phiếu.

**22. BỘ PHẬN THEO LINH VỰC KINH DOANH VÀ THEO KHU VỰC ĐỊA LÝ**

Hoạt động sản xuất kinh doanh chính của Công ty là xây lắp. Trong năm, Công ty không có hoạt động sản xuất, kinh doanh nào khác trọng yếu (chiếm hơn 10%); theo đó, thông tin tài chính trình bày trên bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 và doanh thu, chi phí trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 đều liên quan đến hoạt động xây lắp.

Công ty không có hoạt động kinh doanh nào ngoài lãnh thổ Việt Nam; do vậy, Công ty không lập báo cáo bộ phận kinh doanh theo khu vực địa lý nào khác ngoài Việt Nam.



**23. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ**

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
<b>Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>		
<i>Trong đó:</i>		
Doanh thu hợp đồng xây lắp	213.835.039.779	438.215.727.858
Doanh thu hoạt động khác	344.176.428	372.395.778
	<b>214.179.216.207</b>	<b>438.588.123.636</b>
<i>Trong đó:</i>		
<b>Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ với các bên liên quan</b> (Chi tiết tại Thuyết minh số 30 - Nghiệp vụ và số dư với các bên liên quan)	<b>79.211.998.877</b>	<b>294.630.097.193</b>

**24. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP**

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Giá vốn hoạt động xây lắp	146.395.676.034	366.636.526.043
Giá vốn hoạt động khác	377.035.599	115.958.446
	<b>146.772.711.633</b>	<b>366.752.484.489</b>

**25. CHI PHÍ SẢN XUẤT, KINH DOANH THEO YẾU TỐ**

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	24.710.869.085	52.064.788.280
Chi phí nhân công	32.551.078.359	119.356.561.928
Chi phí khấu hao tài sản cố định	11.851.016.000	10.183.498.059
Chi phí dịch vụ mua ngoài	93.813.427.716	199.495.886.342
Chi phí bảo hành	1.614.495.157	8.972.653.235
Chi phí dự phòng	(2.709.959.494)	(6.048.933.337)
Chi phí khác bằng tiền	249.168.123	21.292.269.691
	<b>162.080.094.946</b>	<b>405.316.724.198</b>

**26. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP**

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Chi phí nhân viên quản lý	22.725.247.377	23.009.979.525
Chi phí khấu hao TSCĐ	4.109.966.371	2.606.779.625
Chi phí dự phòng	11.035.766.206	111.123.400
Chi phí dịch vụ mua ngoài	7.689.263.212	9.920.167.865
Chi phí khác	1.273.903.834	2.916.189.294
	<b>46.834.147.000</b>	<b>38.564.239.709</b>

0106  
 C  
 RÁC  
 DI  
 V  
 0 NE





**29. CÔNG NỢ TIỀM TÀNG**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, Công ty đang có khoản công nợ tiềm tàng với Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng và Đô thị Dầu khí ("Petroland") với số tiền khoảng 5,3 tỷ VND liên quan đến khoản phạt chậm thanh toán tiền mua văn phòng tầng 6, Petroland Tower, số 12 đường Tân Trào, phường Tân Phú, quận 7, thành phố Hồ Chí Minh. Tuy nhiên, Ban Giám đốc Công ty đã đánh giá và tin tưởng rằng Công ty sẽ không phải trả khoản phạt này do tại ngày 08 tháng 11 năm 2013, Công ty đã gửi Petroland Thông báo số 1011/ĐOBC-TCHC về việc bồi thường giá trị thiệt hại do Petroland chậm chuyển quyền sở hữu tầng 6, Petroland Tower làm ảnh hưởng đến việc vay vốn, thế chấp, chuyển nhượng của Công ty với số tiền ước tính là khoảng 5,5 tỷ VND. Đến ngày lập báo cáo tài chính, Công ty vẫn đang trong quá trình làm việc với Petroland và chưa ghi nhận bất kỳ khoản công nợ phải thu/phải trả nào liên quan đến vấn đề này.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, Công ty có số dư các khoản công nợ phải thu với số tiền là 182.660.475.273 VND tương ứng với doanh thu đã ghi nhận nhưng chưa xuất hóa đơn. Do đó, số thuế giá trị gia tăng đầu ra phải nộp tương ứng với số doanh thu này khi xuất hóa đơn là khoảng 18,3 tỷ VND. Sự kiện này hình thành khoản công nợ tiềm tàng về thuế giá trị gia tăng và lãi phạt chậm nộp tương ứng đối với Công ty. Đến ngày lập báo cáo tài chính, Công ty chưa ghi nhận bất kỳ khoản công nợ phải trả thuế giá trị gia tăng và lãi phạt chậm nộp nào có thể có liên quan đến việc này.

Ban Giám đốc Công ty đã đánh giá và tin tưởng rằng các nghĩa vụ liên quan đến các khoản công nợ tiềm tàng nêu trên (nếu có) sẽ không ảnh hưởng trọng yếu tới báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017.

**30. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN**

**Danh sách các bên liên quan có giao dịch và số dư chủ yếu trong năm:**

<b><u>Bên liên quan</u></b>	<b><u>Mối quan hệ</u></b>
Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam	Công ty mẹ
Công ty Cổ phần Kết cấu Kim loại và Lắp máy Dầu khí	Cùng Công ty mẹ
Công ty Cổ phần Xây dựng Công nghiệp và Dân dụng Dầu khí	Cùng Công ty mẹ
Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Miền Trung	Cùng Công ty mẹ
Công ty Cổ phần Thiết bị Nội ngoại thất Dầu khí	Cùng Công ty mẹ
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây lắp Dầu khí Sài Gòn	Cùng Công ty mẹ
Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng và Đô thị Dầu khí	Cùng Công ty mẹ
Công ty Cổ phần Xây lắp dầu khí 2	Cùng Công ty mẹ
Công ty Cổ phần Phát triển Đô thị Dầu khí	Cùng Công ty mẹ
Tổng Công ty Dầu Việt Nam	Cùng Tập đoàn
Tổng Công ty Dung dịch khoan và Hóa phẩm Dầu khí - CTCP	Cùng Tập đoàn
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đại chúng Việt Nam - Chi nhánh Vũng Tàu	Cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Kinh doanh Khí hóa lỏng Miền Bắc - Ban Quản lý Dự án Đầu tư Xây dựng Hà Nội	Cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Kinh doanh Khí hoá lỏng Miền Đông - Chi nhánh Vũng Tàu	Cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Phân phối Khí thấp áp Dầu khí Việt Nam	Cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Sản xuất Ống thép dầu khí	Cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Phân bón Dầu Khí Cà Mau	Cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Vận tải dầu khí Vũng Tàu	Cùng Tập đoàn

**Bên liên quan**

**Mối quan hệ**

Chi nhánh Tổng Công ty Khí Việt Nam - Công ty Cổ phần - Công ty Quản lý Dự án Khí	Cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Chế tạo Giàn khoan Dầu khí	Cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Thái Bình	Cùng Tập đoàn
Công ty Cổ Phần Dịch vụ Tổng Hợp Dầu khí Vũng Tàu	Cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Chứng khoán Dầu khí Việt Nam	Cùng Tập đoàn
Tổng Công ty Bảo hiểm dầu khí Việt Nam	Cùng Tập đoàn
Công ty TNHH MTV Dung dịch khoan và Dịch vụ Giếng khoan	Cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Tư vấn Khảo sát Dầu khí PVE	Cùng Tập đoàn
Trường Cao đẳng Nghề Dầu khí	Cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Tư vấn Thiết kế Dầu khí	Cùng Tập đoàn

***Trong năm, Công ty đã có các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan:***

	<b>Năm nay</b>	<b>Năm trước</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
<b>Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>79.211.998.877</b>	<b>294.630.097.193</b>
Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam	55.597.850.131	237.295.913.999
Công ty Cổ phần Kết cấu Kim loại và Lắp máy Dầu khí	17.013.307.147	36.854.441.362
Công ty Cổ phần Phân bón Dầu Khí Cà Mau	6.252.265.313	-
Chi nhánh Tổng Công ty Khí Việt Nam - Công ty Cổ phần - Công ty Quản lý Dự án Khí	509.090.909	2.166.619.000
Công ty Cổ phần Kinh doanh Khí hóa lỏng Miền Bắc - Ban quản lý Dự án Đầu tư Xây dựng Hà Nội	64.158.181	588.343.265
Tổng Công ty Dầu Việt Nam	(224.672.804)	17.724.779.567
<b>Mua hàng, thuê thi công các công trình xây lắp và các dịch vụ khác</b>	<b>6.158.900.542</b>	<b>16.965.381.273</b>
Công ty Cổ phần Phát triển Đô thị Dầu khí	1.532.083.911	-
Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam	1.425.882.136	1.106.659.985
Công ty Cổ phần Kết cấu Kim loại và Lắp máy Dầu khí	926.810.080	1.641.520.370
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Thái Bình	635.629.544	-
Công ty Cổ phần Xây dựng Công nghiệp và Dân dụng Dầu khí	618.303.046	14.217.200.918
Tổng Công ty Bảo hiểm Dầu khí Việt Nam	371.157.769	-
Công ty Cổ phần Sản xuất Ống thép Dầu khí	365.177.600	-
Công ty Cổ Phần Dịch vụ Tổng hợp Dầu khí Vũng Tàu	261.856.456	-
Công ty Cổ phần Chứng khoán Dầu khí Việt Nam	22.000.000	-



*Số dư chủ yếu với các bên liên quan tại ngày kết thúc niên độ kế toán như sau:*

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
<b>Phải thu ngắn hạn của khách hàng</b>	<b>112.402.206.679</b>	<b>100.792.386.693</b>
Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam	91.185.490.886	87.302.622.269
Công ty Cổ phần Kết cấu Kim loại và Lắp máy Dầu khí	18.513.320.422	9.257.829.515
Công ty Cổ phần Chế tạo Giàn khoan Dầu khí	1.578.501.538	1.578.501.538
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây lắp Dầu khí Sài Gòn	1.062.727.230	1.062.727.230
Công ty Cổ phần Phân phối Khí thấp áp Dầu khí Việt Nam	62.166.603	-
Tổng Công ty Dầu Việt Nam	-	974.862.876
Công ty Cổ phần Kinh doanh Khí hóa lỏng Miền Bắc - Ban Quản lý Dự án Đầu tư Xây dựng Hà Nội	-	588.343.265
Công ty Cổ phần Xây dựng Công nghiệp và Dân dụng Dầu khí	-	27.500.000
<b>Phải thu ngắn hạn khác</b>	<b>26.476.512.026</b>	<b>26.476.512.026</b>
Công ty Cổ phần Thiết bị Nội ngoại thất Dầu khí	26.414.393.577	26.414.393.577
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây lắp Dầu khí Sài Gòn	62.118.449	62.118.449
<b>Phải trả người bán ngắn hạn</b>	<b>14.276.272.392</b>	<b>15.874.522.903</b>
Công ty Cổ phần Xây dựng Công nghiệp và Dân dụng Dầu khí	6.387.529.566	8.909.151.520
Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng và Đô thị Dầu khí	3.402.150.671	3.402.150.671
Công ty Cổ phần Phát triển Đô thị Dầu khí	1.712.545.964	180.462.053
Công ty Cổ phần Chế tạo Giàn khoan Dầu khí	1.579.741.998	1.579.741.998
Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Miền Trung	824.836.664	824.836.664
Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam	150.700.000	-
Công ty Cổ phần Tư vấn Khảo sát Dầu khí PVE	142.181.490	142.181.490
Công ty Cổ phần Vận tải dầu Khí Vũng Tàu	75.400.000	75.400.000
Công ty Cổ phần Tư vấn Thiết kế Dầu khí	1.186.039	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Dầu khí Sao Mai - Bến Đình	-	477.782.987
Công ty Cổ phần Kinh doanh Khí hoá lỏng Miền Đông - Chi nhánh Vũng Tàu	-	282.815.520
<b>Người mua trả tiền trước ngắn hạn</b>	<b>40.286.700.405</b>	<b>44.500.786.987</b>
Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam	39.339.847.026	44.379.023.426
Công ty Cổ phần Phân bón Dầu Khí Cà Mau	946.853.379	-
Công ty Cổ phần Kinh doanh Khí hóa lỏng Miền Bắc	-	121.763.561
<b>Phải trả ngắn hạn khác</b>	<b>13.000.000</b>	<b>-</b>
Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam	13.000.000	-

**Thu nhập của Ban Giám đốc:**

Thu nhập của Ban Giám đốc được hưởng trong năm như sau:

	<u>Năm nay</u> VND	<u>Năm trước</u> VND
Thu nhập Ban Giám đốc	3.179.221.947	2.258.014.279

**31. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**

**Thông tin bổ sung cho các khoản phi tiền tệ:**

Tiền chi mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác bao gồm 2.800.000.000 VND phải trả Công ty Cổ phần Xây dựng Công nghiệp và Dân dụng Dầu khí liên quan đến việc chuyển nhượng quyền sử dụng đất của các lô đất tại địa chỉ 35G và 35D, đường 30/4, phường 9, thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu năm 2016. Vì vậy, một khoản tiền tương ứng được điều chỉnh trên phần thay đổi các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả và thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp).

**32. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC**

Do ảnh hưởng của những biến động trong nền kinh tế, ngành nghề hoạt động của Công ty đang chứa đựng các rủi ro về sự biến động giá thị trường của các loại nguyên vật liệu dùng cho thi công. Những thay đổi lớn về giá nguyên vật liệu thi công có thể ảnh hưởng lớn đến những lợi ích và nghĩa vụ kinh tế của Công ty. Ban Giám đốc Công ty cho rằng sự thay đổi của thị trường cũng như ảnh hưởng của các chính sách quản lý vĩ mô của Chính phủ là rất khó dự đoán. Vì vậy, Ban Giám đốc Công ty không thể lượng hóa được sự ảnh hưởng của vấn đề này đối với các công trình đang thi công của Công ty. Kết quả cuối cùng sẽ chỉ được xác định khi hoàn thành thi công và nghiệm thu bàn giao cho các chủ đầu tư.

**Phạm Thị Hương Giang**  
Người lập biểu

**Mai Đình Bảo**  
Phó Giám đốc/  
Phụ trách kế toán



**Vũ Chí Cường**  
Giám đốc

Ngày 19 tháng 3 năm 2018